

KHỞI TÍN LUẬN SỚ BÚT SẢO KÝ

QUYỂN 7

Sớ: Giải thích ở trên v.v... văn lập nghĩa nói: “Vì sao? tướng của tâm chân như này tương tức thì hiện rõ thể của Đại thừa v.v...”, nay ở đây là chính giải thích. Khoa động tĩnh chẳng phải một chẳng phải khác. Thứ lớp là hai môn trước, cùng là nghĩa chẳng lìa nhau, nói đốn để nạn vẽ thật nên thành trước sau.

Quán trí cảnh, do thể chẳng phải là pháp danh tướng, cái gọi là nghĩ không đến được, nói nghĩ còn không đến được, đâu rơi vào thấy nghe! Chỉ tu lâu quán trí mới được tượng ứng.

Sớ dĩ nói: ý khiến dụng tâm như thế. Nên văn sau nói: “lìa tướng nói năng, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, cho đến nếu lìa niệm, gọi là được vào. Cũng như kinh Lăng -già chép: “Chân thật lìa văn tự, tu hành chỉ bày chân thật”,kế đến khoa sau nói: “Sinh tín cảnh” vì có hai thứ nghĩa tướng không và chẳng không, đã dung ngôn thuyết nên người được nghe sinh tín tâm, cho nên nói cũng ý kiến sinh tín. Văn sau nói: “Nương lời nói phân biệt có hai thứ nghĩa? Cũng như kinh Lăng-già chép: “Ngôn thuyết là biết thực hành phân biệt hơn với nghiệp ban đầu”.

Sớ Giải thích nghĩa chân như ở trên nói:” là tướng của tâm chân như”, nay giải thích hai chữ Chân như.

Chỉ bày pháp. luận Tức là v.v.... trở xuống, sớ có hai:

Giải thích câu trên, có hai:

Giải thích chữ Nhất, có hai:

Theo đương thể giải thích:

Không hai chân tâm là thời gian và tâm, không gian rộng là chỗ nương của tất cả pháp bình đẳng, chỗ nương chính của phàm thánh chỉ là thể này, lìa thật tướng không có pháp riêng, nên nói không hai. Phân biệt chẳng phải là lưỡng đối, sáng suốt chẳng mê mờ nên gọi là Chân tâm.

Đây chẳng v.v.... trở xuống, là phân biệt.

Hễ nói một, là nói về số đầu tiên, nay chẳng phải giống ở đây.

Nghĩa là như v.v.... trở xuống là nói về tướng một, là lý chân như rộng thông viên dung, đối với tất cả pháp bình đẳng, thể chẳng khác nhau nên nói một.

Đối hai giải thích. Lại đối v.v.... trở xuống. Ở đây chỉ đối hai thứ không và chẳng không ở sau để gọi là một. Ở sau chỉ đứng về mặt tướng, nay nói lên thể cũng chẳng phải toán số.

Giải thích pháp giới:

Nương sinh v.v.... trở xuống, giải thích pháp giới, pháp giới là các cõi thánh nương sinh tức là Bồ-đề, Niết-bàn, mười lực, bốn vô úy v.v.... là chỗ chứng chỗ được pháp của bậc thánh, nên gọi là thánh pháp. Kinh Viên Giác chép: “Pháp vương vô thượng có một môn Đà-la-ni, tên là Viên Giác, lưu xuất tất cả chân như thanh tịnh Bồ-đề Niết-bàn và Ba-la-mật dạy bảo. Bồ-tát”.

Nhân nghĩa, pháp tức pháp giới của bậc thánh, tức là nhân, sinh ra thánh pháp nên nói pháp giới.

Hỏi: Y cứ cái gọi là trước chân tánh là phàm thánh, nhiễm tịnh đều nương. Vì sao văn này nói riêng nghĩa nhờ thánh pháp?

Đáp: Ở đây chính là lấy hơn bầy kém, chẳng cho rằng phân biệt với pháp phàm, bậc thánh còn nương, hướng chi phàm mà chẳng nương! Đây là về Chung giáo nên tạo ra giải thích này. Nếu theo Viên giáo sự lý vô ngại tức nhau nhập nhau, hàm nhiếp lẫn nhau, là nhất chân pháp giới.

Giải thích câu dưới. Số Trong hai môn v.v.... trở xuống. Có ba:

Giải thích đại tổng tướng:

Tướng riêng là môn Sinh diệt.

Tướng chung là môn Chân như.

Nhưng cũng v.v.... trở xuống là giải thích thành nghĩa đại, nghĩa là trong tất cả các pháp nhiễm tịnh trong tướng riêng, môn này thấu hết không còn sót, nên gọi là Đại. Kế là văn nói: “Tất cả pháp là tướng nói năng...” Đây là phân biệt chẳng phải riêng, nên nói chung. Thâu hết cả riêng nên nói Đại. Nhưng, trong luận nói tướng chung có bốn thứ: hạ, trung, thượng, thượng thượng.

Hạ: Tất cả hữu lậu đều khổ. Lý có cả khổ vui gọi là tướng chung. Chẳng chung vô lậu nên gọi là Hạ.

Trung: Tất cả hạnh vô thường, lý bao gồm ba đế gọi là tổng tướng, tuy chung vô lậu chẳng gồm vô vi nên gọi là Trung.

Thượng: Tất cả pháp vô ngã, lý chung bốn đế gọi là tướng chung,

vẫn là chân thuyên (chân đế) chưa cùng tột thật tánh (đệ nhất nghĩa đế) nên gọi là Thượng.

Thượng thượng: nghĩa là chân như là thật tánh của tất cả pháp, khắp chung cả phàm thánh, tình và vô tình không chỗ nào không bao gồm, nên nói Thượng thượng.

Chỗ luận nói rõ: nay ở đệ tứ, vượt hơn ba đệ trước, nên nói tướng chung.

Giải thích chữ Thể: Một này trở xuống là toàn tạo sinh diệt tức sự pháp lý. Toàn tạo chân như tức sự pháp giới. Đã là một thể, chỗ làm tức khiến hai không chướng ngại, tức lý sự vô ngại pháp giới vậy.

Cả hai đều nói tạo, sinh diệt tức theo duyên biến tạo, chân như tức chuyển đổi tên kia gọi là tạo, hai nghĩa đều không nghĩa năng sở nên nói là tạo.

Giải thích pháp môn, phép tắc sinh v.v.... trở xuống. Phép tắc là khuôn phép. Vật là chúng sinh. Giải là trí giải. Nghĩa là các chúng sinh bên trong có năng lực huân tập, ở trên thể pháp giới này sinh ra trí Thỉ giác, trí khởi phản chiếu thường nương theo phép tắc pháp giới mà tu, tức chẳng phải không, chẳng phải có, không có ngã, không có nhân... là phép tắc pháp giới, nương trí thỉ giác mà thực hành. Nên văn sau nói: “Thuận bốn tánh nên tu Đàn Ba- la- mật v.v....” Kinh Viên Giác cũng nói: “Lưu xuất Ba- la- mật v.v.... dạy bảo, Bồ-tát. Nhưng, pháp lại có nghĩa giữ gìn, nay do văn thuận theo chỉ lấy nghĩa này.

Thánh trí, v.v.... là pháp thể rộng thông do có công năng bao dung, thánh trí kia ra vào nên xứng với thọ môn. “Du” là ra vào. Nghĩa là vào thì tự chứng, ra thì lợi tha. Phật và Bồ-tát đều có hai nghĩa, nhưng chỉ hạn cuộc từ Sơ địa trở lên cho đến cứu cánh, chẳng chung địa vị phàm, nên nói là thánh trí. Do Địa tiền chưa phát vô lậu, chưa thể thân chứng, nên khoa trước nói quán cảnh trí.

- **Giải thích thành tựu:** Luận Nghĩa là v.v.... trở xuống.

Giải thích pháp thể, luận nói: “Tâm tánh, tánh tức là thể”.Hiển bày ngược lại thì tâm tướng chẳng ngại sinh diệt, tức thuộc về môn sau.

Theo vọng chẳng sinh, vọng theo chín tướng vô minh, vọng sinh mà tâm tánh chẳng sinh.

Đối trị chẳng diệt, đứng về Thỉ giác ngược dòng ở địa vị thứ tư mà đối trị nhiễm, vọng diệt mà tâm tánh chẳng diệt, đây đứng về mặt vọng sinh vọng diệt, để nói lên tâm tánh chẳng sinh diệt.

Tu khởi chẳng sinh, tu hành hiển bày khởi trí tuệ rộng lớn sáng

suốt... và công đức sinh ở mười phương mà tâm tánh chẳng sinh.

Ở chỗ nhiễm mà chẳng diệt, là ở chỗ sinh diệt cấu nhiễm, công đức mười phương diệt mà tâm tánh chẳng diệt. Đây là đứng về mặt tịnh sinh tịnh diệt, để nói lên tâm tánh chẳng sinh diệt.

Thế gian chẳng phá, nói về chân như trôi lặn thế gian, thế gian có hoại mà chân như chẳng hoại. Chẳng hoại là nghĩa bất biến, nên sơ ở sau nói: “Nơi nhiễm chẳng hoại”.

Xuất thế gian chẳng cùng tận: nghĩa là tu hành, chân như hiển phát xuất thế gian, thế gian cùng tận mà chân như chẳng cùng tận. Nên sơ ở sau nói: Trị đạo chẳng hoại.

Bỏ vọng bày chân: ý khiến thể vọng tức chẳng cần đợi diệt. Như kinh nói: “Sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt không”.

Luận có hai:

- **Bỏ vọng:** Sơ Vọng chấp v.v....., nghĩa là nghe đoạn trước nói chân như là pháp môn tổng tướng, thể tức chân như, nêu thể tạo ra các pháp. Nếu như vậy thì, biết các pháp sinh diệt, tức là chân như sinh diệt. Vì sao nói tâm tánh chẳng sinh chẳng diệt? Ý giải thích rằng: “Các pháp vốn không, làm sao nói sinh diệt? Như thấy hoa đốm giữa hư không vốn tự không có tự thể, nói cái gì là sinh diệt”.

- **Hiển chân:** Luận nói Nếu lìa v.v....trở xuống.

Sơ Nghi v.v....trở xuống là gạn nguyên do kia rất dễ hiểu.

Giải thích rằng v.v....trở xuống, là nói lên ý văn.

Lại nếu v.v....trở xuống, là trái lại để giải thích thành tựu, đều rất dễ hiểu.

Ai là người mắt bị nhặm: nên biết người thấy hoa đốm giữa hư không là mắt bệnh, nếu mắt thấy rõ ràng thì không thấy hoa đốm giữa hư không. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Nếu không mắt không bị nhặm mà thấy hoa đốm giữa hư không thì đâu nói hư không trong trẻo mà gọi là mắt sáng! Nên biết người thấy các pháp gọi là phàm phu, người không thấy các pháp gọi là bậc Thánh. Bậc Thánh xứng với thật đã không thấy ở các pháp, nên biết các pháp là phàm phu vọng thấy, thật không sinh diệt. Các pháp đã không sinh diệt, chân tánh không hề lay động, cho nên trước nói chẳng sinh diệt.

Luận: Cho nên v.v.... trở xuống, có ba:

Nêu lên chỗ xa lìa:

Sơ: là chỗ chấp v.v... trở xuống hai câu là giải thích hai chữ “cho nên”.

Cho nên chỉ hai đoạn trước là nguyên do - chỗ chấp không tức là

chỉ cho không có tất cả cảnh tướng ở trước. Chân tâm bất động tức là chỉ cho tâm tánh chẳng sinh diệt ở trước. Do đó nên được tất cả các pháp tức chân như. Nhưng, hai câu này lại đắp đổi nhau mà thành. Chính do chỗ chấp vốn không nên chân tâm bất động lại do chân tâm bất động nên được chỗ chấp vốn không kia giống như muôn tượng vốn không gương sáng chẳng động.

Do đây v.v... trở xuống, là tổng kết chân thật, hai chữ do đây chỉ cho lý do ở trước.

Tất cả v.v... trở xuống, là hiển bày chân như, tức giải thích văn sau trong luận về tất cả pháp. Trong đây hiển bày chân mà nêu tất cả pháp. Vì tánh kia không lìa nhau, nên tất cả các tướng tánh thành. Người đều chấp tướng do mê tánh, nay đứng về mặt tướng mà hiển bày tánh, khiến biết tướng là vô tướng. Chỉ một chân như, xúc cảnh đối duyên mặc tình hợp đạo, tạo tác động hay tĩnh đều là pháp môn mầu nhiệm. Nhưng, trong luận này nói từ xưa, và nói rốt ráo ở sau, cùng giúp nhau thành cảnh mà nói. Nghĩa là hai chữ “từ xưa” hướng về quá khứ, để nói lên nghĩa chân, chẳng phải từ trước đến nay không lìa các tướng nói năng mà nay mới lìa. Do từ xưa đến nay tự lìa tướng, chấp cảnh vị lai “rốt ráo” như thế ở sau. Hai chữ rốt ráo là hướng về vị lai để nói nghĩa như, chẳng phải chỉ ngày nay, bình đẳng, chẳng thay đổi, chẳng phá hoại, do tận mé vị lai rốt ráo bình đẳng chẳng biến đổi chẳng phá hoại, cảnh chấp quá khứ từ xưa đến nay liền tự Như. Lại hai nghĩa này đều chung cho ba câu ở dưới mà chuyển. Lại nói tất cả pháp cũng chung rốt ráo ở sau mà chuyển suy nghĩ sẽ thấy.

Chính hiển bày chỗ lìa. Luận lìa ngôn v.v... trở xuống, có hai:

Lìa tướng vọng để bày chân:

Số Đường ngôn ngữ dứt: Câu trên là âm thanh chẳng đến được, câu dưới là danh, cú, văn chẳng đến được. Âm thanh, danh cú văn đã không đến được thì ngay đó đường ngôn ngữ.

Chẳng cảnh văn tuệ: Thanh, danh, cú, văn là sở văn.

Ý ngôn phân biệt: ý ngôn tức là phân biệt. Do hình dáng của miệng gọi là ngôn, ở ý gọi là phân biệt, nay lấy chỗ phân biệt đồng với chỗ nói, nên nói ý ngôn. Người phát ra ngôn ngữ đều là việc trong ý. Thi tự nói: “Tình động ở trong mà hình ở ngôn ngữ”.

Chỗ tâm hành diệt, do tướng là chỗ tâm hành, hành vẫn là duyên. Đã lìa bỏ tướng, tâm không sở duyên, sở duyên đã không, năng duyên cũng dứt, chân lý không tướng thì tư tuệ đâu đến được.

Lìa luống dối, v.v..., luống dối là vàng giả mà giống như vàng

thật, vọng là bản chất như cảnh. Hễ có danh tướng, pháp ấy đều là luống dối. Nên kinh Kim Cương nói: “Tất cả tướng đều là luống dối”. Lại Kinh Lăng Nghiêm nói: “Huyền vọng gọi là Tướng, do luống dối nên chẳng phải thật”. Nay đã lìa danh tướng, tức chẳng phải luống dối, nên gọi là Chân.

Lìa khác v.v....., là có sai biệt, có đối khác, có thể bị phá hoại. Nay đã trọn lìa nên gọi là Như. Lại nếu đứng về mặt dạy bảo. “Như” là tương tự. Pháp khác thì không tương tự, không tương tự tức chẳng phải Như. Nay đã không khác, không khác tức tương tự, tương tự tức nghĩa như. Nên Ngài Khuê Sơn nói: “Thật thể này ở vị lai, thường như Quá khứ, ở trong sắc thường như trong thọ. Tướng như chân thật chẳng phải là tương tự vọng.

Lần lượt giải thích. Thế nào là rốt ráo bình đẳng? Vì không có đối khác, do đâu không có đối khác? Vì không thể phá hoại, lại không thể phá hoại, vì không có đối khác. Không có đối khác, vì rốt ráo bình đẳng.

Lìa thế gian, thế là trôi nổi, gian là rơi vào trong đó. Vì sai biệt đối khác phá hoại là pháp thế gian, nay đều trái ở đây nên nói là lìa.

Chẳng phải cảnh tu tuệ: tu là định chẳng phải cảnh định. Phàm khổ, không, vô thường, bất tịnh v.v.... đều là chỗ duyên của định nên chánh trí tương ứng tức trí như, chẳng tức như trí, ngoài ra đâu thể sánh bằng. Văn sau nói: “Do lìa niệm cảnh giới chỉ chứng tương ứng”.

Từ trên đến đây v.v... trở xuống, chính là chung hai đoạn văn trước sau.

Nhưng biện v.v... trở xuống, là ý của đoạn, để đối lại chẳng phải cảnh ba tuệ.

Lìa tướng khác để hiển bày như, luận Rốt ráo v.v... trở xuống.

Sớ Tuy biến v.v..., ở nơi nhiễm đồng ở nơi tịnh. Nghĩa là chân tánh của phàm phu đồng với chân tánh của Phật, cũng như không có nhà sạch, không có nhà dơ. Đây là y theo nghĩa đồng thời nói theo chiều ngang.

Ở duyên, nghĩa là đối với duyên nhiễm tịnh của quá khứ như hiện tại, hiện tại như vị lai, giống như ngày hôm qua không, cùng ngày hôm nay không, nhiễm tịnh tuy tự thay đổi, chân như ở đây không đổi khác. Lại, duyên nhiễm là lấy tướng sinh làm đầu, tướng nghiệp trói buộc khổ làm sau. Duyên tịnh là lấy tướng giác diệt làm đầu, tướng giác sinh làm sau, trong đó chân như rốt ráo không thay đổi. Đây là y cứ theo nghĩa khác thời, nói theo chiều dọc.

Chẳng đồng hữu vi, là pháp không tạo tác, thể như hư không làm sao phá hoại?

Ở nhiễm chẳng phá hoại v.v... theo dòng thì vọng nhiễm khởi mà chân thể không tổn giảm, ngược dòng thì vọng nhiễm hoại mà chân thể như cũ. Sơ kinh Viên Giác chép: “Ở dòng sinh tử viên ngọc chiếu ở riêng biển khơi, ở bờ Niết-bàn vầng trăng chiếu riêng trời xanh.

Kết thể đặt tên: Luận: Chỉ là v.v.... trở xuống.

Pháp thể, nhất tâm tức là pháp thể. Văn trước nói: “Cái gọi Pháp là tâm chúng sinh, các pháp đã không nên chỉ ở tâm. Như muôn tượng vốn không chỉ một gương soi”. Kinh Viên Giác chép: “Các huyền diệt hết mà giác tâm chẳng động”.

Nương nghĩa đặt tên, đối với nhất tâm lìa nghĩa lưỡng đối, thay đổi để đặt tên Chân như.

Sớ Nói giáo chẳng thật: do quyền lập ra có nhân duyên, ý mượn ngôn ngữ kia để khế ngộ vô ngôn. Lý không ngôn thuyết để chứng ngộ, giáo có ngôn thuyết không thể chấp trước, chấp thì thành nhận ngón tay quên mặt trăng. Luận Thập Địa chép: “Theo tiếng chấp nghĩa có năm lỗi:

Chẳng chánh tín: Nghe đã đuổi theo tiếng nên không hội được y sâu.

Lui sụt mạnh mẽ: Do chẳng chánh tín thì không có thắng giải, nên không thể quyết định.

Đối người khác: Do chẳng hiểu nên hoặc lấy sâu làm cạn, lấy cạn làm sâu.

Phỉ báng Phật: Chấp phương tiện làm thật hoặc chấp sự mê lý, liền cho là Như Lai nói thành lưỡng đối.

Khinh pháp: Do hiểu lầm thành tánh nên nghe nhiều mà không tin nhận”.

Giải thích lý do không thật, do tất cả cảnh giới đều từ vọng niệm sinh, niệm còn không có tự thể, huống chi là chỗ sinh pháp mà có thật ư! Nên văn trước nói: “Tất cả cảnh giới chỉ nương vọng niệm mà có khác nhau. Nếu lìa tâm niệm thì không có tất cả tướng cảnh giới”. Do đó tất cả lời nói đều là giả danh không có thật thể, tánh “không thật có”.

Sớ: Sợ rằng các v.v... trở xuống, là bên ngoài dường như có thể thấy.

Nay trở xuống, v.v... là dùng luận để giải thích. Nếu y cứ ý sớ từ tất cả lời nói v.v.... trở xuống, đều là giải thích bốn chữ ở trước, nên gọi là chân như, xem văn sẽ thấy. Tuy nhiên, ở đây giải thích văn nghi hợp

thứ lập văn trước, ở sau sẽ chú thích câu văn mới được dễ hiểu, người học nên biết.

Không trái nhau, giả danh cùng lia danh tuy nói khác mà nghĩa đồng.

Bởi do v.v..., hễ có danh đều là nương vào tướng, lập chân như không tướng chỗ lập tức là không, do biến kế sở duyên nên chẳng nhập vào chân thật. Nên từ Kinh Lăng- già v.v....trở xuống, dẫn chứng danh tướng đều là biến kế. Tướng từ tướng mà có danh, danh nương tướng mà lập, chẳng có tướng lia nên gọi là Tướng. Danh tướng theo duyên này lại sinh vọng tướng, tức tâm biến kế. Tuy nhiên, đoạn luận này là để cho kẻ ngu si cũng rõ được.

Từ do tất cả v.v... trở xuống, hợp bốn câu là giải thích nguyên do trong tướng lia bỏ ở khoa trước. Văn số chú thích từng tiết giải nghĩa từng khoa đều rõ ràng, nay ngoài số lược thêm một ít để hiểu. Hoặc hỏi: Vì sao đối với thể chân như lia tướng lời nói ở trước? Luận giải thích: “Do tất cả lời nói giả danh không thật”. Hai câu này chính là giải thích nguyên do lia hai tướng lời nói và danh tự. Nghĩa là tâm tánh chân thật không tương ứng với luống dối. Ngôn thuyết danh tự chỉ là luống dối giả có, kia không thật thể hợp, không hợp với chân, cho nên xa lia.

Chỉ tùy v.v... trở xuống, hai câu văn chung cả hai thế: 1- Giải thích nguyên do lia tâm duyên tướng ở trước, do tướng tâm duyên chỉ là theo vọng niệm kia mà sinh, niệm không tự tánh tướng duyên làm sao có, nên nói chỉ theo vọng niệm không thật có. Nên chữ chung ở đoạn trước lấy chân thể vô niệm, niệm thì trái chân cho nên lia. 2- Giải thích lý do giả danh không thật ở trước. Đây như số giải, người dịch nhọc phân biệt hai đoạn mà giải thích một đoạn, văn này là khéo lược.

Từ nói chân như v.v... trở xuống, mới là giải thích nghi, nghi rằng: Trước nói lia tướng ngôn thuyết để nói lên chân như vô tướng. Nay lại tổng kết nói, nên gọi chân như, đâu chẳng phải tướng nói năng? Nên văn này nêu rằng: Nói chân như cũng không có tướng. Người nghi lại nói: “Bày nói chân như chính là danh tướng, vì sao cho là vô tướng? Luận giải thích: “Nghĩa là tột cùng ngôn thuyết, nương ngôn ngữ mà bỏ ngôn ngữ”. Ý nói: Chẳng cho rằng lập một tên gọi chân như này liền dính mắc vào tướng, do nhờ vào danh tột cùng này mà giả lập, để dứt tướng nói năng. Người có trí đến được đây hy vọng sẽ rõ, ngoài ra văn như số.

Lập ra giới hạn của tên gọi, v.v.... trở xuống, đáp giải thích về nghi tựa. Xem văn sẽ biết.

Các tên gọi bờ mé: như gạn tốt cùng là bờ mé của sắc, nay chân như là tên gọi bờ mé, tên này sau lại không có tên, mười tên là:

Tên pháp là ba khoa uẩn, xứ, giới.

Tên người là năm mươi hai địa vị như Tín...

Tên giáo là mười hai bộ kinh.

Tên nghĩa là chỗ hiển bày nghĩa lý của uẩn, xứ, giới.

Tên tánh là văn tự vô nghĩa không có chỗ tiêu biểu, chẳng sinh giải nghĩa.

Tên lược là chúng sinh.

Tên rộng là chúng sinh đều có tên khác nhau.

Tên bất tịnh là phàm phu.

Tên tịnh là sinh diệt tức chân.

Tên rốt ráo là chân như.

Nên kệ nói:

Nhân pháp và giáo nghĩa,

Tánh lược và tên rộng,

Bất tịnh, tịnh, cứu cánh,

Mười tên cảnh khác nhau.

Mất ở tên, là mất các tên, nếu không đặt tên tốt cùng này thì không thể mất các tên, nêu lên như gõ khánh dứt ồn, nếu không có tiếng này thì không thể dừng các tiếng khác.

Nếu còn v.v...., nếu còn tên chân như cũng đồng chẳng có tên mất. Tuy giả lập tên tốt cùng là thể rốt ráo, còn mà chẳng mất đâu xứng với pháp thể. Phải biết tuy đặt tên chân như, tên tức không có tên, tên của không tên nên gọi là giả danh, tức là lừa tên. Kinh Tịnh Danh nói: “Lìa tánh văn tự tức là giải thoát”. Người học đến chỗ này tuy do tên mà sinh hiểu, sẽ quên tên mà chứng.

Sớ Một là: v.v... trở xuống: đứng về mặt chân như tự thể mà giải thích, rất dễ hiểu.

Diệu trí v.v.... đã không danh tướng thì chẳng phải chỗ duyên của tâm thức, chỉ có chân trí quán hạnh mẫu nhiệm đến được. Nghĩa là biến kế sở duyên là giả, giả cho nên mất; diệu trí sở chứng là thật, thật nên không thể mất. Kinh Viên Giác nói: “Các huyễn diệt hết, giác tâm bất động”. Trước thì năng sở đều quên, đây thì năng sở đều là chân

Hai là: v.v... trở xuống, hội hiển bày sinh diệt vô tướng mà giải thích, ý nói rõ chẳng cho là lấy thể chân như mất pháp sinh diệt.

Do đâu v.v.... trở xuống là gạn khởi văn sau.

Do pháp v.v.... trở xuống là giải thích, có hai ý:

Đứng về mặt chỉ chân không pháp mà giải thích, tức giải thích theo môn Chân như. Chỉ có chân như không còn pháp nào khác, tánh làm sao mất?

- Từ Lại do v.v....trở xuống, là đứng về mặt có pháp không tánh mà giải thích, tức giải thích về môn sinh diệt. Tuy có nhiệm tịnh tự tánh vốn không, đâu cần lại mất. Trước như thể gương không có hình bóng, sau như hình bóng tức không.

Người ngoại v.v.... trở xuống là giải thích theo môn chân như.

Lìa vọng tình, là danh tướng đều mất. Tình có lý không, nếu khiến có thể lập thì đâu lìa vọng. Nên văn sau nói: “Do lìa cảnh giới niệm, chỉ chứng mới tương ứng”.

Lại sinh diệt v.v.... trở xuống là giải thích theo môn sinh diệt. Sinh diệt không tánh, không tánh nên tức chân. Chân vốn tự lập nên nói chẳng đợi kia, tức chân như vốn lập, lại không cần đợi lập pháp sinh diệt để thành chân. Giống như sóng vốn tự là nước, đâu cần đợi lập để thành nước.

Do đâu v.v.... trở xuống, theo trước gạn khởi văn sau.

Vì chân v.v.... trở xuống: giải thích theo môn chân như. Chân chẳng lưỡng đối, Như là chẳng biến chẳng đổi. Nay nếu mất thì thành hư vọng, có thể lập thì thành thay đổi, do trước chẳng lập mà nay mới lập.

Lại sinh diệt v.v.... trở xuống là giải thích theo môn sinh diệt, do chân như từ xưa đến nay nêu thể thành sinh diệt, sinh diệt không tánh, thường tức chân như. Tánh tướng như thể không hề lìa bỏ, do lúc sinh diệt hiển bày tức thể như hiển bày. Kia là vốn tự hiển bày rõ ràng, đâu cần lập nữa.

Lìa ngôn, không thể nói.

Dứt suy nghĩ, là không nhớ nghĩ., vì văn trước nói: “Lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên”, nên ở đây tổng kết. Tuy nhiên, tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, chấp tướng mê tánh không thể ngay nơi vọng mà hiểu hơn, tuy thực hành suốt ngày mà chẳng tự biết. Nay chỉ bày chân mà đứng về sinh diệt. Người học Đại thừa, phải trọn ngày không ăn trọn đêm không ngủ để suy nghĩ việc này: Đâu từng không có phàm thánh khi nương chánh sắc không? Chỗ nào mà chân thể chẳng thường hiển hiện? Sao có một pháp chẳng phải tánh? Đâu có một pháp nào thể chẳng phải vắng lặng? Lại pháp không đâu thường được lìa chân tánh? Nếu hoặc chẳng đồng ở đây nói sẽ rơi vào đoạn thường thì không có việc đó. Cho nên trong luận, mỗi tiết trình bày chân, đều nói

tất cả pháp.

Luận nói: Nếu nghĩa như thế v.v.... chỉ nghĩa trên không thể nói, không thể nghĩ.

Luận nói: Các chúng sinh v.v.... đã phát ngôn trái lý động niệm trái chân, các chúng sinh niệm niệm nối nhau chưa từng lìa niệm, muốn được không trái làm sao thuận theo? Muốn được khế chứng làm sao tạo nhập?

Luận: Có thể nói, tức là lời nói ra. Niệm cũng giống như thế.

Sớ: Niệm tức vô niệm v.v...., nghĩa là khi biết niệm các pháp, vốn không có năng niệm sở niệm, chẳng cho là diệt. Đây khiến không do niệm, thể vốn dứt là vô niệm. Nên kinh Viên Giác chép: Đối với các vọng tâm cũng không dứt diệt.

Chẳng diệt v.v.... trở xuống, giải thích cả hai tức niệm và vô niệm để lìa hai bên. Nếu diệt niệm cho dứt tức rơi vào chấp đoạn. Nếu không biết niệm tức không, thì rơi vào chấp thường. Nay đã không diệt lại biết tức không nên khởi được lỗi kia. Đây nói quên, nói chẳng phải, chẳng lời, tức niệm vô niệm chẳng đúng, chẳng suy nghĩ. Kinh nói: Không lìa văn tự mà nói giải thoát, lìa tánh văn tự tức là giải thoát”. Văn sau nói: “Chúng sinh mê nên gọi tâm là niệm, tâm thật bất động. Nếu quán sát biết tâm vô niệm, tức thuận theo nhập môn Chân như.

Đối với một v.v.... trở xuống là tổng kết lợi ích. Chỉ đối với một niệm không niệm, đã lìa hai lỗi. Hai lỗi đã không, chính là thuận theo pháp tánh Trung đạo, tức chẳng trái chân như.

Lại cũng v.v...., trước là nói về mặt pháp thể, niệm tức vô niệm. Đây tức lúc khởi niệm dụng quán, quán sát năng niệm, sở niệm, đã khởi, chưa khởi, rõ ràng không thật có, nói cũng như thế, nên nói là “đẳng” v.v....?

Tuy chưa lìa niệm, như thế khi quán niệm thô không khởi, niệm tế vẫn còn, nên nói chưa lìa. Như lửa tắt mà than vẫn còn.

Mà thuận vô niệm, thường quán không có năng sở, khi quán như thế tức là thuận với vô niệm. Như văn sau nói: “Nếu có chúng sinh quán được vô niệm thì hưởng về trí Phật”.

Như trên v.v...., do từ trước đến nay cái gọi là “chỉ là phương tiện nhập lý”. Sớ trước trả lời phương tiện quán.

Tức hay v.v...., do trước quán sát thuần thực, lại lìa năng niệm sở niệm này, khế hợp chân lý vô niệm, vì chân không có niệm tướng năng sở. Nay đã lìa chỗ này thì sẽ khế hợp chân.

Chánh quán, đây quán chân chánh và tướng chân như, nên như

cái hộp và nắp.

Lại chánh, là thánh. Ngay địa vị Sơ địa trở lên gọi là bậc thánh nhập lý. Phương tiện ở trước là trước Sơ địa. Khế nhập tức chứng nghĩ, do lìa niệm năng sở, được chứng chân như gọi là khế nhập. Duy Thức nói: “Nếu lúc đối với trí sở duyên, đều không có sở đắc, bấy giờ trụ Duy thức, lìa hai chấp tướng”. Tuy nhiên, điều ở trên nói chỉ đứng về mặt một phần được vô lậu chánh trí gọi là lìa niệm được vào. Nếu đứng về mặt rốt ráo lìa thì chỉ có bậc diệu giác mà thôi.

Chỗ trí hành, chân như là sở hành của chánh trí, nói chẳng phải sở hành của điên đảo hoặc loạn. Kinh Hoa Nghiêm nói: Chân pháp tánh sâu xa, trí mâu thuận vào.

Lại cũng v.v.... trước giải thích là theo sở quán niệm là không nay giải thích là theo năng quán cũng không. Quán tâm niệm, tâm này gọi là tri không có niệm năng sở. Nếu còn niệm kia, thì cũng chẳng phải vào chỗ lắng tâm là sai. Nên kinh Viên Giác chép: Lìa huyễn, cũng lìa xa lìa, được không có chỗ lìa tức trừ các huyễn. Hà Trạch nói: Vọng khởi là giác, vọng diệt giác diệt, giác vọng đều diệt tức là chân như. Nhưng, thể như lìa niệm động tức trái chân. Nếu biết niệm là vô niệm, quán sát chẳng dứt, thuận theo như thế, trở lại có kỳ hạn vào. Mong những người tu hành siêng tu trí mâu. Tuy nhiên, y cứ hỏi đáp ở trước thì chỗ đáng niệm ở sau là cũng nói cả hai. Trong chánh quán chẳng nói ngôn thuyết tế, hướng chỉ là thô. Tâm niệm nhỏ nhiệm còn phải xa lìa, ngôn ngữ thô cạn là còn ư!

Giải thích tướng chân như, trước nói tâm là tướng chân như, nay trước đã giải thích hai chữ chân như từ đây về sau mới giải thích chữ Tướng.

Nêu chung: Lại nữa, chân như.

Hỏi: Đây đã nói tướng chân như, vì sao không nhắc lại tướng?

Đáp: Vì từ trong vô tướng mà nói về tướng, tướng tức vô tướng chẳng khác pháp lìa ngôn. Lại, tướng tức là nghĩa. Nay trong chân thể khai nói hai nghĩa. Nói có hai thứ nghĩa, đó là nghĩa tức tướng.

Một vị, trước nói nhất tâm, nhất pháp giới, nhưng đứng về mặt lý lìa các tướng gượng gọi là một, mà tướng một cũng không có được. Kinh Pháp Cú nói: “Sum la và muôn tượng là sở ẩn của một pháp”. Một chẳng phải một, vì muốn phá các số. Chỗ nghe của trí cạn nên thấy một cho là một. May thay những người trí sâu bỏ những nhớ nghĩ mà thể nhập.

Có hai, đã dùng ngôn thuyết phân biệt nên có tướng một và hai.

Không thể theo ngôn ngữ, trước tuy hiển bày thể lìa ngôn ngữ mà không thể chấp là không nói vì có hai nghĩa, nay tuy phân biệt hai nghĩa mà không thể chấp là có tướng, vì tướng là vô tướng. Không khác lìa ngôn ngữ, cho nên không được theo ngôn ngữ mà chấp lấy. Chỉ vì v.v.... trở xuống là nếu không ngôn ngữ thì nương vào đâu để tin hiểu. Nếu có hai pháp thể thì hoàn toàn trái với chứng nhập dứt phân biệt, dẫn văn sẽ biết.

- Nói lược:

Sớ Không vọng nhiễm, do trong thật thể vốn chẳng cùng chín tướng, sáu nhiễm tương ứng, nên gọi là không, chẳng phải chân thể là không.

Như thật không, như thật là chân tánh của không, là không vọng nhiễm, như thật không là thuộc về chủ thích. Như nói bình không, bởi vì trong bình không có vật, chẳng cho là thể của bình là không. Trong kinh Niết - bàn có ví dụ đầy đủ này.

Luận Cứu cánh, là nghĩa tột cùng, ý nói lời nói lập không cùng chỉ vì hiển bày chân thật.

Bèn có thể v.v...., do vọng không làm năng hiển, chân thật làm sở hiển. Không do vọng không kia thì đâu biết chân thật này.

Khác vọng không có tự thể, vọng nhờ chân mà có, nguồn chân tự có, nên nói là khác.

Hữu lưu, hữu là ba cõi, hai mươi lăm hữu. Lưu là bốn lưu, chín lưu. Do các cõi kia phiền não hay chìm đắm trong các loài nên gọi chung là lưu (dòng) tức căn, tùy, v.v.. gồm có hai mươi sáu sử. Luận này tức ba tế sáu thô, như thế phiền não rất nhiều không thể tính hết, nên nói hằng sa. Nếu theo chỗ nói của luận này tức vượt hà sa số, lý thật vô lượng, đâu dừng nơi hà sa. Nếu có số nhất định e chẳng rõ nghĩa.

Chỗ nói khác nhau: kia nói phiền não đây gọi là công đức, kia nhiễm đây tịnh, kia không đây có.

Lìa nhau, thể vọng vốn không, chẳng thể theo nhau. Văn sau nói: “Tất cả pháp nhiễm phiền não đều là vọng có, tánh tự vốn không, chẳng hề tương ứng với Như Lai tạng”.

Pháp vô thượng: tức nghĩa trí tuệ rộng lớn sáng suốt. Pháp là chỗ chứng của Phật nên gọi là Vô thượng. Đây đều là đức của tánh, đức đều là tánh không có tướng lìa bỏ, nên nói theo nhau.

- Lược nói:

Sớ: Năng sở phân biệt, tức là tâm cảnh. pháp nhiễm tuy nhiều mối, chỉ thuộc ở đây. Luận nói tất cả mà sớ nói năng sở, ở dưới tức tâm

cảnh, nói riêng nói tướng bị chấp, tức tướng cảnh giới, ở trong đó có sắc, hương, vị, xúc v.v.... khác nhau, nên nói sai biệt.

Hay chấp chỗ thấy: tức trí tướng tương tục, v.v... ở trong đó phần thấy nghe hiểu biết khác nhau, gọi chung là năng chấp, tức v.v... trở xuống là phân biệt lìa thức. Đây về mặt quên cả hai tâm và giải thích cảnh.

Lại do v.v... trở xuống là chỉ giải thích theo chỗ quên cảnh giới. Hai câu trước chỉ nói cảnh không, đây là xuất phát nguyên do cảnh không. Nghĩa là phạm cảnh giới đều từ tâm niệm sinh, tâm niệm đã không cảnh từ đâu có. Nên văn trước nói: “Tất cả cảnh giới chỉ nương vọng niệm mà có khác nhau. Nếu lìa niệm thì không có tất cả cảnh giới”. Y cứ vào đây là tướng năng kiến trong bốn thức, vì cùng tướng trí sinh cảnh chấp cảnh công năng khác nhau.

Bởi do v.v... trở xuống là giải thích chung ý văn.

Tình có lý không: trong vọng tình thì có, trong chân lý thì không, giống như dụi mắt thấy hoa đốm giữa hư không.

Lý có rồi v.v... trở xuống, trái ngược ở trước rất dễ thấy.

Nên chẳng tương ứng, là tổng kết pháp vọng ở trước, trong lý đã không thì nói cái gì tương ứng? Đây là chối bỏ cho tình là tương ứng. Do từ vọng niệm sinh, nên lìa niệm thì không có tất cả pháp.

Bốn câu, luận chép: Nên biết... v.v... trở xuống, có hai:

- Bốn câu có không:

Sớ Lìa vọng có, v.v... là người chấp có nên nói chẳng có, nếu không có chỗ chấp thì theo đâu mà nói chẳng phải vọng có, nói vọng có là nhiếp tất cả tướng.

Mê lầm v.v... trở xuống, là chẳng rõ câu nói chẳng có, là mất tình chấp có, lại cho pháp thể là không, ở đây giải thích nói: Trên chỉ nói chẳng có, chẳng có mà ông lại chấp có. Chẳng phải đạo pháp liền ở nơi không, nên nói chẳng phải không.

Cả hai chẳng phải là chân pháp, sẽ cho rằng chân như là chẳng có, là chẳng không, nên phá rằng: Chẳng phải chẳng có tướng, chẳng phải chẳng không tướng. Đây đều trên chữ chẳng phải là thuốc năng trị, ba chữ dưới là bệnh sở trị.

Giải thích rằng v.v... trở xuống: xem kỹ sẽ hiểu. Trong đây, trước sau bốn chữ trong hai chữ trước thì chữ trên là chấp cho là, chữ dưới là nói cho là, hai chữ sau là nêu bày.

Trở lại lập, v.v..., chấp câu thứ nhất câu thứ hai đồng thời có tướng có không, lập làm chân như.

Chẳng chấp nhận cả hai, v.v..., nếu ta nói riêng chẳng phải chẳng, thì ông lại chấp cả hai tướng có và tướng không. Ta lấy hai chữ chẳng, là chẳng có tướng, chẳng phải không có tướng đồng thời chẳng bỏ, tại sao điền đảo chấp hai thứ có không. Nay luận nói: “chẳng có, không đều cùng”. Đồng cùng tức có không đồng thời, nay đều chẳng bỏ.

- Bốn câu một khác:

Luận: Chẳng phải một v.v... trở xuống là bốn câu một khác.

Sớ: Theo trước, v.v..., trước là đứng về mặt có không, đây là đứng về mặt một khác. Hai chỗ chấp khác nhau, ngoài ra đều chẳng khác. Chỉ như số trước phối hợp giải thích rất dễ biết.

Nhưng, chấp v.v... trở xuống, là kết chung nhiếp riêng, nghĩa là chúng sinh chấp lấy vô lượng vô biên, căn bản từ hai chấp này mà có bốn câu khởi. Do đó trăm phi là chỉ nói theo đây, nghĩa thấy ở văn trước.

Nên rộng v.v... trở xuống là dẫn chứng nêu lên.

Điều chẳng chân thật, vọng chấp trước chẳng xứng với lý thật, đồng với hai chấp có không, một khác trong bốn câu này.

Chỗ chấp khác nhau, Bốn hạng ngoài đều chấp một câu, có tức câu có là chỗ mất của câu đầu. Chẳng có tức câu không là chỗ mất của câu kế. Đồng tức cùng là câu vừa có vừa không là chỗ mất của câu thứ tư. Chẳng phải là câu chẳng phải có chẳng phải không là chỗ mất của câu thứ ba này. Một phen nêu phối hợp ở đây.

Theo thứ lớp phối hợp: như trên phối hợp là bốn câu. Nhưng chỉ một mặt đứng về chỗ phối hợp kia, chẳng phối hợp với luận này, đều là vọng chấp nên nói chẳng phải chân.

Bốn tông ngoại đạo:

1- Số luận ngoại đạo chấp có, v.v... tánh cùng các pháp là một, chính là tức đều có (câu), nên kia phá rằng. “Đây chấp chẳng phải chân”. Vì sao? Nếu các màu như xanh, v.v... cùng sắc tánh là một thì nên như thể của sắc tánh kia đều đồng. Năm thứ vui, thanh cùng tánh thanh là một. Nên như của thể thanh tánh kia đều đồng. Nhãn, v.v... các căn cùng căn tánh là một, nên như thể căn tánh của kia đều đồng, nên như mỗi căn chấp tất cả cảnh, mỗi cảnh đối lại tất cả căn. Lại, tất cả pháp cùng có tánh là một, lẽ ra thể tánh của kia đều đồng.

2- Ngoại đạo thắng luận nói có, v.v..., tánh và pháp chẳng phải một, nên chẳng phải câu có đây cũng chẳng phải chân. Vì sao? Nếu các màu như xanh, v.v... khác với sắc tánh, thì nên như xanh, v.v... chẳng phải chỗ hành của nhãn (mắt). Thanh (tiếng), v.v... cũng giống như vậy.

Lại tất cả pháp khác có tánh, nên như sừng thỏ, thể kia vốn không cho đến rộng phá.

3- Ngoại đạo Vô tâm chấp có, v.v... tánh vừa một vừa khác với các pháp kia, nên ở câu vừa có vừa chẳng có, đây cũng chẳng chân. Vì sao? Vì nếu chấp có tánh v.v.... cùng sắc v.v.... là đồng lỗi với Số luận, cùng sắc v.v.... khác là đồng với Thắng Luận. Một khác hai thứ tánh tương trái nhau, mà nói thể đồng, lý không thành lập, một lẽ ra chẳng phải một vì tức khác nên như khác, khác nên chẳng phải khác do vì một, cho đến rộng phá.

4- Ngoại đạo tà mạng ngoại đạo chấp có v.v.... tánh chẳng phải một chẳng phải khác với các pháp kia, nên câu chẳng phải có chẳng phải chẳng có, đây cũng chẳng chân. Vì sao? Vì nói chẳng phải một chẳng phải khác này chỉ là ngăn, thiên lệch có tiêu biểu. Nếu nghiêng lệch có tiêu biểu nên không có hai chẳng phải. Nếu chỉ là ngăn nên không có chỗ chấp, có ngăn có tiêu biểu, lý trái lẫn nhau, không ngăn không tiêu biểu. Lời thành nói suông, cho đến rộng phá như thế. Thế gian khởi bốn thứ phỉ báng, nghĩa là có chẳng có, chấp hai, chẳng chấp hai. Cứ như thế thứ lớp là tăng ích tổn giảm trái nhau hý luận. Cho nên chỗ chấp của thế gian chẳng thật.

Nay đây v.v.... trở xuống, là phân biệt khác. Đây là một hạng xoay vần, chính bốn tông kia đều khác nhau. Lại ở đây là nói lên chân như, kia thì một bề đối trị chấp nên khác nhau.

Đoạn sau v.v..., Nay ở đoạn văn trên chỉ chấp đều chẳng phải chân thật, là từ chẳng chấp đến nói về ngoại đạo v.v.... trở xuống.

TỔNG KẾT:

Sớ: Vọng chấp trần sa, hiển bày nhiều vọng chấp, đã từ niệm sinh, đâu thuận với chân lý vô niệm, nên chẳng tương ứng. Tuy nhiên, trong văn này chỉ đứng về mặt tâm tổng kết, chứ không đứng về mặt cảnh. Vì tất cả cảnh giới đều từ tâm sinh, chỉ nói không tâm tức biết không cảnh, nên lược bỏ chẳng nói.

Do đối trị v.v.... trở xuống, là thể như thật nói mặt không vọng gọi là không, chẳng cho rằng chân thể là không mà gọi là Không.

Cũng có thể v.v.... trở xuống, chỉ chung đoạn văn tổng kết này đều giải thích nghi, e rằng nghe tự tánh chân như ở trước chẳng có tướng, liền cho rằng hoàn toàn không tự thể và pháp công đức, thành cái thấy đoạn diệt nên nay giải thích. Cho đến nói không là chân không có tướng vọng, chẳng không là tự tánh công đức thanh tịnh bản nhiên.

a. Chính giải thích:

Sớ Đoạn văn trước: nói thể không chẳng có vọng là hiển bày pháp chẳng không ở dưới.

Nêu thể, thể là chỗ nương. Ở sau thường v.v.... các nghĩa đều nói theo đây.

Nên, thường, vì ba mé, bốn tướng không thể thay đổi. ba khổ tám khổ không thể hại.

Sớ: Lấy hằng làm vui, vì không sinh, già, bệnh, chết nên gọi là hằng. Sinh, già này... chính là pháp khổ, nên nay ở đây trước theo hoặc nghiệp phối hợp bốn tướng. Nay theo quả báo nên phối hợp già chết, v.v....

Ngã nghĩa là tự tại, vì đối trị chỗ trói buộc không tự tại. Do lìa nghiệp hạnh trói buộc, nên luân chép: chẳng biến đổi, chẳng biến đổi là lìa hạnh. Hạnh tức là nghiệp. Đã chẳng bị nghiệp trói buộc thì được tự tại nên nói ngã.

Tịnh, nhiệm mà chẳng nhiệm. Đây chú thích hợp tại chữ Tịnh ở sau do nói đầy đủ, nên đều là tổng kết. Nghĩa là ngoài bốn đức này, tất cả hà sa số công đức, hết thấy ở trong đó, nên nói đầy đủ.

Tức như v.v.... trở xuống, chỗ nói trí tuệ sáng suốt rộng lớn chiếu khắp pháp giới, nên bốn số lấy tịnh pháp làm tịnh đức, không bao gồm nói đầy đủ. Tuy nhiên, chữ Pháp vẫn chung cả trên dưới. Lại nói văn thường hằng bất biến, chỉ thành một nghĩa. Dù đây đều phối hợp tự là một đường. Nay giúp thêm một để giải thích thì khác với số.

Thường hằng bất biến: nói lên chân thể ngang dọc ba mé không cùng - kia giải thích ở trước, vì có tự thể.

Tịnh pháp đầy đủ, hiển bày tịnh đức rộng khắp mười phương không tận kia hiển bày ở trước, đều đủ vô lậu. Tự thể đã thường hằng bất biến lại đầy đủ vô lậu công đức. Pháp thể nếu như thế, há là không ư! Nên tổng kết chẳng phải không.

b. Giải thích nghi:

Sớ: Tình chấp về có, biến kế sở chấp các pháp sắc v.v.... là trong vọng tình có.

Thế thì v.v...., tự tánh công đức của pháp thể chân thật tuy không thiếu bớt, nhưng không có một tướng để được, nên chẳng khác không.

Giải thích không tướng v.v...., hề có tướng là chỗ duyên của vọng niệm. Nay đã do tướng ứng với chứng trí, nên biết không tướng. Kệ Duy Thức nói: Nếu lúc ở nơi trí sở duyên không có sở đắc, khi ấy trụ ở Duy thức, vì lìa tướng hai chấp.